|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTTTT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo** **Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy**

Kính gửi: Chính phủ

Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại kỳ họp thứ 5 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 07/2023/L-CTN ngày 30 tháng 6 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 7 năm 2024.

Triển khai thực hiện Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Dự thảo Nghị định đã được xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông để xin ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân.

Bộ Thông tin và Truyền thông xin trình Chính phủ về dự thảo Nghị định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở pháp lý**

Luật Giao dịch điện tử được thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 857/QĐ-TTg quy định Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5. Theo đó, Thông tin và Truyền thông được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy, thời hạn trình Chính phủ là tháng 5 năm 2024.

Căn cứ các văn bản nêu trên, trên cơ sở rà soát và đánh giá các nội dung quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Nghị định để quy định chi tiết các điều, khoản của Luật gồm:

- Khoản 4 Điều 25 (Sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn);

- Khoản 4 Điều 28 (Dịch vụ tin cậy)

- Khoản 2 Điều 29 (Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy)

- Khoản 5 Điều 33 (Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng)

- Khoản 2 Điều 48 (Báo cáo, tổng hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử)

- Khoản 7 Điều 53 (Quy định chuyển tiếp)

**2. Căn cứ thực tiễn**

Luật Giao dịch điện tử là văn bản có phạm vi tác động tới nhiều lĩnh vực, nhiều chủ thể trong xã hội. Một số quy định có tính mới trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cần có hướng dẫn chi tiết để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực thi.

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đang tồn tại một số bất cập cần sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

1. Điều kiện cấp phép (tài chính, nhân sự và kỹ thuật):

2. Một số phát sinh mới từ thực tiễn như:

- Cấp chứng thư số cho thuê bao theo phương thức điện tử,...;

- Sử dụng tài khoản định danh điện tử cấp độ 2 và một số giấy tờ khác có giá trị tương đương CMND, CCCD trong việc cấp chứng thư số;

- Bổ sung các quy định phù hợp với các văn bản hiện hành như Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân,…

Từ nội dung báo cáo trên, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

- Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung được Luật Giao dịch điện tử năm 2023 giao.

- Bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong cách tổ chức thực thi một số quy định của Luật Giao dịch điện tử.

- Tạo căn cứ pháp lý để triển khai các quy định của Luật Giao dịch điện tử vào thực tiễn cuộc sống.

- Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các quy định tại Luật Giao dịch điện tử.

**2. Quan điểm xây dựng chính sách**

- Bám sát chủ trương, định hướng, chính sách của Chính phủ, Quốc hội đã quy định trong quá trình xây dựng Luật Giao dịch điện tử.

- Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

- Tham khảo và kế thừa có chọn lọc các quy định hiện hành, các kinh nghiệm quốc tế; bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Nội dung rõ ràng, cụ thể, chi tiết và khả thi; chỉ quy định nội dung do Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, không quy định nội dung mới, không phát sinh thủ tục hành chính mới, đơn giản hóa hồ sơ, biểu mẫu để thuận lợi trong quá trình triển khai, thực thi các thủ tục hành chính.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai thực hiện các hoạt động sau:

1. Ngày … tháng … năm 2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức họp Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập để xin ý kiến về định hướng và một số nội dung của dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến của Ban Soạn thảo, Bộ Thông tin và Truyền thông đã dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định.

2. Ngày....tháng...năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đăng các dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định. Đồng thời, ngày...tháng...năm 2024, đã có Công văn số.../BTTTT-NEAC gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Cùng với việc đăng tải công khai các dự thảo, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức lấy ý kiến thông qua một số hình thức:...

4. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định và có Công văn số .../BTTTT-NEAC ngày ... tháng ... năm 2024 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ Nghị định.

5. Ngày ....tháng...năm 2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số ..../BCTĐ-BTP thẩm định về dự thảo Nghị định.

6. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về bố cục**

Dự thảo Nghị định bao gồm 5 Chương, 62 Điều, quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy:

*Chương I*: gồm 03 Điều, từ Điều 1 đến Điều 3 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

*Chương II*: gồm 22 Điều, từ Điều 4 đến Điều 25 quy định về chữ ký điện tử bao gồm những nội dung về chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số, dấu thời gian.

*Chương III:* gồm 28 Điều, từ Điều 26 đến Điều 53 quy định về kinh doanh dịch vụ tin cậy bao gồm những nội dung quy định về dịch vụ tin cậy và quy trình thủ tục cung cấp dịch vụ tin cậy; hoạt động dịch vụ tin cậy và hoạt động cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng.

*Chương IV:* gồm 06 Điều, từ Điều 54 đến Điều 59 quy định về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia và liên thông với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.

*Chương V:* gồm 03 Điều, từ Điều 60 đến Điều 62 quy định về hiệu lực thi hành, quy định chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành.

**2. Nội dung của Nghị định**

Nội dung của Nghị định bám sát các điều, khoản do Luật Giao dịch điện tử giao Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể:

**Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về việc quản lý, cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số, dấu thời gian và dịch vụ tin cậy.

**Điều 2: Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến việc quản lý, cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số, dấu thời gian và dịch vụ tin cậy.

**Điều 3: Giải thích từ ngữ**

Dự thảo giải thích các khái niệm về khóa, ký số, chứng thư chữ ký số có hiệu lực, chứng thư chữ ký số công cộng, thuê bao, người ký, người nhận, ứng dụng sử dụng chữ ký số, quy chế chứng thực, Phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số để thống nhất cách hiểu và dễ dàng tra cứu, áp dụng văn bản.

**Chương II: CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

**Điều 4-8: Chữ ký điện tử và Chứng thư chữ ký điện tử**

Dự thảo Nghị định quy định về chữ ký điện tử và nội dung, định dạng của chứng thư chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký số.

**Điều 9-15:** **Chữ ký điện tử chuyên dùng**

Dự thảo Nghị định quy định về chữ ký điện tử chuyên dùng; điều kiện, trình tự, thủ tục, quy đình cấp, tạm đình chỉ, thu hồi, thay đổi nội dung và cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn để phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

**Điều 16-23:** **Chữ ký số**

Dự thảo Nghị định quy định về khái niệm chữ ký số, chữ ký số công cộng; chứng thư chữ ký số của cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức; nghĩa vụ của người ký trước khi thực hiện ký số; nghĩa vụ kiểm tra hiệu lực chứng thư chữ ký số, chữ ký số khi nhận thông điệp dữ liệu được ký số và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số.

**Điều 24-25: Dấu thời gian**

Dự thảo Nghị định quy định về dấu thời gian.

**Chương III: DỊCH VỤ TIN CẬY**

**Điều 26-27:** **Kinh doanh dịch vụ tin cậy**

Dự thảo Nghị định quy định về khái niệm, điều kiện hoạt động và làm rõ điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy về nội dung: tài chính, nhân sự quản lý và kỹ thuật.

**Điều 28-35: Quy trình thủ tục cung cấp dịch vụ tin cậy**

Dự thảo Nghị định quy định về hồ sơ, quy trình, thủ tục đề nghị cấp, cấp lại, thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; Các trường hợp tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép.

**Điều 36-39: Hoạt động dịch vụ tin cậy**

Dự thảo Nghị định quy định về hoạt động dịch vụ tin cậy, bao gồm các dịch vụ: cấp dấu thời gian, chứng thực thông điệp dữ liệu và chứng thực chữ ký số công cộng.

**Điều 40-53: Hoạt động cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng**

Dự thảo Nghị định kế thừa Nghị định 130/2018/NĐ-CP và bổ sung thêm một số quy định cấp chứng thư chữ ký số cho thuê bao (gồm: phương thức điện tử), về kết nối đến cổng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

**Chương IV: LIÊN THÔNG VỚI TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ QUỐC GIA**

**Điều 54-56: Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia**

Dự thảo Nghị định quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động cung cấp dịch vụ và quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.

**Điều 57-59: Liên thông với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia**

Dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm đảm bảo điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, liên thông với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia của: Tổ chức cung cấp dịch vụ công cộng, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận theo Điều 26 Luật Giao dịch điện tử.

**Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 60. Hiệu lực thi hành**

**Điều 61. Quy định chuyển tiếp**

**Điều 62. Trách nhiệm thi hành**

**V. VẤN ĐỀ LỚN CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU**

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiêm túc nghiên cứu để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị định*.*

Một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau gồm: *............*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với Nghị định; và (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Vụ PC;  - Lưu: VT, NEAC. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** | | **TL. BỘ TRƯỞNG** |